

Bản án số: 25/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 17-9-2021

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiu.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 17 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 22 /2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1979.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.

Đều ĐKKHKT: Số 505 DDN4-QKTĐ xã Đ, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội. Hiện tạm trú tại: Thôn L, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

(Chị T có mặt, anh T, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 30/12/2003. Sau ngày vợ chồng thuê nhà ở phường T, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội để ở, cho đến tháng 7 năm 2006 anh T được phân nhà

tại khu tập thể quân khu thủ đô tại xã Đ, phường N, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội thì vợ chồng dọn về khu tập thể để ở. Anh T công tác trong quân đội còn chị kinh doanh tự do. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh T chơi bời dẫn tới nợ nần, mặc dù gia đình đã trả cho anh T một phần nhưng anh T vẫn không bỏ được chơi bời, anh T vay nợ dẫn tới người cho vay đến đòi nợ nên anh T đã phải xin ra quân vào khoảng tháng 8 năm 2018. Do nợ nần quá nhiều nên vợ chồng đã về nhà bố mẹ chồng tại thôn L, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương để ở từ tháng 8/2019 cho tới nay. Trong thời gian chung sống với gia đình chồng anh T vẫn tiếp tục chơi bời, không quan tâm tới vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho tới nay. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/8/2006 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 11/8/2014. Hiện nay cả hai con đang ở với anh chị, ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi trưởng thành và yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng, hai con là 3.000.000 đồng/tháng phương thức cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi, hiện nay chị đang là kế toán tại Công ty TNHH Công nghệ sáng tạo Duệ Trí tại khu Công nghiệp xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ thu nhập bình quân hàng tháng trên 10.000.000 đồng

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Về điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau ngày cưới vợ chồng đã thuê nhà ở thành phố Hà Nội, anh công tác tại tiểu đoàn kiểm soát quân sự- Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hà Nội còn chị T làm công ty, sau đó một thời gian vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường N, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Cuối năm 2018 sau khi anh phục viên về nghỉ thì vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ anh tại thôn L, xã Văn Tô, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cuối tháng 6 năm 2021 vợ chồng xảy ra cãi vã to tiếng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị Thùy nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác. Nay chị T xin ly hôn với anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T, nếu chị T cương quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý với điều kiện chị T để lại hai con cho anh nuôi dưỡng.

Về con chung: Anh và chị T có hai con như chị T trình bày là đúng, ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con, hiện tại anh làm công nhân ở Công ty may II ở Cầu Yên, thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T: Tại biên bản xác minh ngày 28/7/2021, đại diện lãnh đạo xã V cùng các đoàn thể thôn L xác nhận: Anh T và chị T kết hôn tại và đăng ký tại thành phố Hà Nội và sinh sống tại thành phố Hà Nội cho đến khoảng thời gian gần đây địa phương mới nắm bắt được anh chị đó về chung sống cùng với bố mẹ anh T ở thôn L, xã Văn Tố và có đăng ký tạm trú tại địa phương còn về mâu thuẫn của vợ chồng địa phương cũng không nắm bắt được. Nay chị T xin ly hôn với anh Tân đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của anh T trình bày: Trong cuộc sống, anh T và chị T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T công tác trong quân đội thu nhập hạn chế, dẫn đến việc vay tiền bên ngoài dẫn tới không đủ khả năng chi trả, nợ nần nhiều khiến cho cuộc sống gia đình khó khăn nhiều người đến cơ quan đòi nợ nên anh T phải xin ra quân và hai vợ chồng đều lao động tự do tại thành phố Hà Nội. Đến tháng 9 năm 2019 vợ chồng T, T mang hai con về chung sống với vợ chồng ông, hiện tại cả hai vợ chồng đều đăng ký tạm trú tại địa phương. Trong thời gian vợ chồng T, T về chung sống với vợ chồng ông, tuy ăn chung nhưng lại ngủ riêng việc của ai người đó làm không còn quan tâm đến nhau. Gia đình cũng đã khuyên bảo mong muốn vợ chồng hàn gắn với nhau, nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T, quan điểm của ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật. Về con chung vợ chồng có hai con, nếu ly hôn ông đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh T nuôi dưỡng, còn chị T muốn nuôi con thì đề nghị nên giao cho mỗi người nuôi một con.

Ông Trần Xuân P và bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chị T đề nghị: Khi chị T được Tòa án cho ly hôn, ông bà đồng ý để cho chị T và hai con của chị T về chung sống cùng với ông bà tại số 7 lô 16 khu dân cư Đ, phường S, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ông bà sẽ có trách nhiệm giúp đỡ chị T và các con của chị T.

Con Nguyễn Minh P và con Nguyễn Minh A nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị T

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở xã V đề nghị nên giao mỗi nuôi một con.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01/9/2021, bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn anh T và đề nghị được nuôi cả hai con của vợ chồng và yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng, hai con là 3.000.000 đồng/tháng phương thức cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự; Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Việc xét xử tại Tòa đã thực hiện đúng trình tự theo luật định. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị T về xin ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao con Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/8/2006 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, giao con Nguyễn Minh A, sinh ngày 11/8/2014 cho chị Trần Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng con chung. Chị T, anh T có quyền thăm non con, hai bên không được phép ngăn cản; về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 30/12/2003. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm, anh T chơi bời dẫn tới nợ nần nên anh T đã phải xin ra quân vào khoảng tháng 8 năm 2018. Do anh T nợ nần quá nhiều nên vợ chồng đã về nhà bố mẹ chồng tại thôn L, xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương để ở từ tháng 8/2019 cho tới nay. Trong thời gian chung sống với gia đình chồng anh T vẫn tiếp tục chơi bời, không quan tâm tới vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho tới nay. Còn anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã, to tiếng với nhau, chị T nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác. Khi mâu thuẫn xảy ra anh T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Chị T xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn với chị T với điều kiện chị T giao hai con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng là gây khó khăn cho chị Thùy.

Như vậy, trong cuộc sống thể hiện anh chị có sự bất đồng quan điểm sống, không có niềm tin đối với nhau, đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hôn nhân của chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại các điều 19, 21, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T.

[5] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/8/2006 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 11/8/2014 hiện nay cả hai con đều đang ở với anh chị. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi trưởng thành và yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng, hai con là 3.000.000 đồng/tháng phương thức cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh T cũng đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng được nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung của anh chị đều chính đáng, xuất phát từ tình cảm của cha mẹ dành cho con. Hiện tại cả hai anh chị đều có công việc thu nhập ổn định và đều được gia đình tạo điều kiện về chỗ ăn ở. Đại diện chính quyền và các đoàn thể xã Văn Tổ cũng đề nghị giao cho mỗi người nuôi một con. Nguyên vọng của hai con đều muốn ở với chị T. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, cũng như chia sẻ điều kiện kinh tế trong việc nuôi dưỡng con chung. Nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Minh A; anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Minh P cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do mỗi người nuôi một con, nên chị T, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 19, 21, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Minh A, sinh ngày 11/8/2014, anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/8/2006 (hiện cả hai con đều đang ở với anh chị) kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị T, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0010116 ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA DS huyện Tứ Kỳ;
- UBND phường C, quận Ba Đình, TP Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Tú